TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN** Bản án số: 21/2018/DS-ST Ngày: 20 – 3 – 2018 V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hữu Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quốc Thịnh.
2. Bà Phan Thị Hồng Diễm.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018, về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kiều O, sinh năm: 1967;
Nơi cư trú: ấp C, xã D, huyện C, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm: 1968;
Nơi cư trú: ấp Tây, xã T, huyện C, tỉnh Long An.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn G, sinh năm: 1964;
Nơi cư trú: ấp Tây, xã T, huyện C, tỉnh Long An
(Tất cả đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2018 và các lời khai tại Tòa án, bà Trần Thị Kiều O trình bày như sau: Giữa bà Trần Thị Kiều O (Chủ đại lý Tám O, không có đăng ký kinh doanh) và bà Nguyễn Thu H (Chủ đại lý Sáu G, không có đăng ký kinh doanh) có quan hệ mua bán thức ăn nuôi tôm. Theo đó, bà cung cấp mặt hàng cho bà H bán và bà H có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho bà. Từ năm 2015 đến năm 2017, bà đã giao hàng cho bà H bán và bà H nợ lại bà số tiền tổng cộng là 270.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H và chồng là ông Đặng Văn G có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà số tiền nêu trên với cách thức trả như sau: Trả làm 03 lần, lần 1: Từ tháng 02/2018 đến tháng 05/2018 trả

100.000.000 đồng; lần 2: từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018 trả 100.000.000 đồng và lần 3 từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018 trả hết số nợ còn lại, không yêu cầu tính lãi. Tại biên bản hòa giải ngày 02/02/2018, giữa bà O và bà H thỏa thuận sẽ cấn trừ nợ của bà Trần Huyền Trân nợ bà H 20.000.000 đồng và bà Nhiều, ông Cường nợ bà H 100.000.000 đồng sang cho bà O. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 08/3/2018 và tại phiên tòa, bà O không đồng ý việc chuyển nợ đó mà buộc bà H và ông G có trách nhiệm trả cho bà 01 lần, trong thời gian 01 tháng, còn ai nợ bà H thì bà H tự khởi kiện.

- *Tại phiên hòa giải ngày 02/02/2018, ngày 08/3/2018 và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thu H trình bày:* Bà xác nhận giữa bà và bà O có xác lập quan hệ mua bán thức ăn nuôi tôm từ năm 2015 đến năm 2017 và hiện nay bà còn nợ lại bà O số tiền tổng cộng là 270.000.000 đồng như bà O nêu. Bà đồng ý hoàn trả cho bà O số tiền trên nhưng hiện nay bà không có khả năng hoàn trả cho bà O theo cách thức mà bà O nêu ra. Bà chỉ đồng ý trả cho bà O mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 02/02/2018, bà O và bà thỏa thuận sẽ cấn trừ nợ của bà Trần Huyền Trân nợ bà 20.000.000 đồng; bà Nhiều, ông Cường nợ bà 100.000.000 đồng sang cho bà O. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 08/3/2018 và tại phiên tòa, bà O không đồng ý việc chuyển nợ đó thì vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm hoàn trả cho bà O. Những người khác nợ vợ chồng bà, bà sẽ khởi kiện sau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn G trình bày tại phiên tòa như sau:* Ông đồng ý với lời trình bày của bà O. Ông xác nhận giữa vợ chồng ông và bà O có xác lập quan hệ mua bán thức ăn nuôi tôm từ năm 2015 đến năm 2017 và hiện nay còn nợ lại bà O số tiền tổng cộng là 270.000.000 đồng như bà O nêu. Hai vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà O số tiền trên. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng ông không có khả năng hoàn trả cho bà O theo cách thức mà bà O nêu ra. Vợ chồng ông chỉ đồng ý trả cho bà O mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 35, 39, 68, 97, 98, 195 và 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp "Hợp đồng mua bán" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng cũng như nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Kiều O khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G hoàn trả số tiền 270.000.000 đồng là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Trần Thị Kiều O trình bày từ năm 2015 đến năm 2017, bà O đã cung cấp mặt hàng thức ăn thủy sản cho Đại lý Sáu G do bà Nguyễn Thu H làm chủ. Hiện nay, bà Nguyễn Thu H còn nợ lại số tiền 270.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thu H và chồng là ông Đặng Văn G thừa nhận sự việc này là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận đây là sự việc có thật. Ông Đặng Văn G là chồng của bà Nguyễn Thu H đồng ý liên đới cùng bà H trả nợ cho bà Trần Thị Kiều O nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về cách thức trả nợ: Bà O yêu cầu bà H và ông G trả hoàn trả 01 lần trong thời gian 01 tháng tính từ ngày xét xử. Bà H và ông G chỉ đồng ý trả cho bà O mỗi tháng 2.000.000 đồng. Việc bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng không được bà O chấp nhận và trong trường hợp này pháp luật cũng không có quy định cho phép trả dần. Vì vậy, áp dụng Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kiều O, buộc bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G liên đới trả cho bà Trần Thị Kiều O 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

[4] Về lãi suất: Bà Trần Thị Kiều O không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kiều O đối với bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Trần Thị Kiều O số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu

đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 13.500.000 đồng. Hoàn trả cho bà Trần Thị Kiều O số tiền tạm ứng án phí là 6.750.000 đồng tại biên lai số 0000725 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Lộc